

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - ST

Ngày 25-3-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai.

2. Ông Nguyễn Văn Chót.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp AT, xã AK, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L trình bày:

Vào năm 2011 chị với anh L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AK, huyện CT, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/01/2011. Việc kết hôn và đăng ký kết hôn là do các bên tự nguyện. Chị và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 07/11/20XX, con chung đang sống chung với chị.

Thời gian đầu chị với anh L chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc nên không còn sống chung. Thời gian qua vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau, không ai quan tâm ai nên không còn khả năng hàn gắn tình cảm với nhau được. Khi chị với anh L không còn sống chung

với nhau cha mẹ hai bên đều biết nhưng không tổ chức hàn gắn cho chị với anh L và đề nghị chị với anh L tự quyết định. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị có các yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu L hôn với anh L. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc Yên Nhi, sinh ngày 07/11/2011. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị với anh L không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn Trần Thị Trúc L đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn Nguyễn Văn L chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị L, anh L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 132/2 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị L.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh L đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2

Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[4] Về hôn nhân: Vào năm 2011 chị L và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã AK, huyện CT, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/01/2011 nên hôn nhân của chị L và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị L, nguyên nhân chị yêu cầu L hôn với anh L là do cả hai bất đồng quan điểm, nhiều lần phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung khoảng hơn 01 năm nay. Thời gian qua vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau, không ai quan tâm ai nên không còn khả năng hàn gắn tình cảm với nhau được. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng sau khi L hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị L và anh L có 01 con chung Nguyễn Ngọc Yến Nhi, sinh ngày 17/11/2011. Từ khi chị L và anh L không còn sống chung đến nay, con chung do chị L trực tiếp nuôi, chị L chăm sóc con chung rất tốt, cháu Yến N có nguyện vọng sống chung với chị L. Lẽ đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Yến N cho chị L trực tiếp nuôi là phù hợp. Do chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Trúc L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị L trình bày chị với anh L không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Trúc L phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Trúc L. Chị Trần Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Do chị L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Trúc L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 07/11/20XX. Do chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Trúc L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị L trình bày chị với anh L không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Trúc L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003315 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự đều có mặt tại phiên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã AK, huyện CT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vinh– Nguyễn Văn Chót

Trần Thị Vân

**Caùc Hoãi thaãm nhaân daân
phieân toaø**

Thaãm phaùn – Chuû toãi

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

